

Bản tin

# THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

SỐ 23 NĂM 2020

KỶ 1 THÁNG 12 NĂM 2020

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:



Cục Công Thương địa phương



Trung tâm Thông tin  
Công nghiệp và Thương mại

Giấy phép xuất bản:

Số 55/GP-XBBT

Cấp ngày 11/8/2020

Ý kiến phản hồi đề nghị liên hệ:

Trung tâm Thông tin

Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ:

Tầng 6 - 655 Phạm Văn Đồng,

Bắc Từ Liêm - Hà Nội

Tel: (024) 37152585

Fax: (024) 37152574

## MỤC LỤC

- 2 **TỔNG QUAN**
- 3 **THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA**
- 3 Thị trường nông, lâm, thủy sản từ ngày 01/12/2020 đến 15/12/2020
- 5 Dự báo xuất khẩu mặt hàng gạo tăng tốc do những lợi thế từ các Hiệp định mang lại
- 7 **THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU**
- 7 Nhiều tín hiệu tích cực trong xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam
- 12 Nhiều tiềm năng xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Đài Loan
- 16 Gạo là mặt hàng chủ lực trong xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Philippin
- 18 **THÔNG TIN SẢN XUẤT - XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI**
- 18 Hải Dương chú trọng xây dựng thương hiệu nông sản và đẩy mạnh xuất khẩu
- 20 Hội nghị trực tuyến thúc đẩy thương mại nông sản Việt Nam - Trung Quốc
- 21 Triển lãm quốc tế trực tuyến hỗ trợ các doanh nghiệp miền Trung tại Australia
- 21 Quảng bá sản phẩm OCOP Đồng Tháp
- 22 Quảng Ninh tổ chức Hội chợ triển lãm kích cầu tiêu dùng và Hội chợ hàng công nghiệp nông thôn năm 2020
- 22 Danh sách một số doanh nghiệp Hồng Kông nhập khẩu thủy sản
- 23 **THÔNG TIN CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ**
- 23 Trung Quốc tăng thêm thời gian thông quan cho hàng Việt Nam
- 23 Trung Quốc kiểm nghiệm Covid-19 đối với thanh long và container lạnh
- 24 **THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI**
- 24 Nhiều biến động trên thị trường nông sản thế giới
- 25 Nhu cầu đối với các sản phẩm nông nghiệp của Australia tiếp tục tăng thời gian tới
- 28 **TIN VĂN**

## TỔNG QUAN

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tiếp tục phục hồi tốt sau những ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản trong tháng 11/2020 đạt 3,39 tỷ USD, giảm 4,6% so với tháng 10/2020, nhưng tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao với mức tăng 28,6% so với tháng 11/2019, cao su tăng 26,7%, xuất khẩu hạt tiêu tăng tới 51,3%. Ngoài ra, xuất khẩu gạo giảm 3,3% về lượng nhưng lại tăng tới 12,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Đáng chú ý, nhu cầu thế giới phục hồi cũng kéo theo giá xuất khẩu hầu hết các mặt hàng nông sản tăng lên so với tháng trước và cùng kỳ năm 2019. Đây là dấu hiệu tích cực, là động lực cho tăng trưởng xuất khẩu những tháng tới.

Tại thị trường trong nước, giá một số mặt hàng nông sản chủ lực như: Gạo, cà phê, hạt điều... có xu hướng tăng trong nửa đầu tháng 12/2020. Trong đó, giá lúa gạo tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long tăng 300 – 700 đ/kg so với cuối tháng 11/2020.

Ngược lại, giá cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp giảm 2.000 đ/kg so với cuối

tháng 11/2020 do các nhà xuất khẩu lo ngại xuất khẩu sang Trung Quốc sẽ tiếp tục khó khăn. Trong tháng 11/2020, Trung Quốc triển khai phun khử trùng bao bì và truy xuất nguồn gốc đối với 100% thủy sản nhập khẩu khiến cá tra ùn tắc tại các cảng, cửa khẩu và làm tăng phí bảo quản.



### MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý:

► Chính quyền thành phố Bằng Tường (Quảng Tây - Trung Quốc) thông báo kéo dài thời gian thông quan tại nhiều cửa khẩu, cặp chợ trên địa bàn có thông thương với Việt Nam như cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, lối thông quan hàng hóa chuyên dụng Pò Chài, cặp chợ Lũng Vài, cặp chợ Kéo Ái. Thời gian thông quan của phía Trung Quốc kéo dài từ 8 giờ sáng tới 20 giờ tối hàng ngày, thay vì 8 giờ sáng đến 17 giờ chiều (giờ Trung Quốc).

► Kể từ ngày 10/12/2020, Trung Quốc thực hiện chính sách kiểm nghiệm Covid-19 đối với thanh long và container lạnh nhập khẩu từ Việt Nam. Cụ thể, hàng chuyên từ xe Việt Nam sang xe Trung Quốc sẽ phải thực hiện khử trùng từng kiện. Việc khử trùng sẽ do công ty phía Trung Quốc thực hiện.

► Mặc dù bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 nhưng xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Đài Loan vẫn đạt kết quả khả quan trong 11 tháng năm 2020. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Đài Loan trong 11 tháng năm 2020 đạt 370,42 triệu USD, tăng 3,0% so với cùng kỳ năm 2019.

## THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TỪ NGÀY 01/12/2020 ĐẾN 15/12/2020

**G**ia các mặt hàng nông, lâm, thủy sản có những biến động trái chiều trong kỳ từ ngày 01/12 đến ngày 15/12/2020. Cụ thể:

+ Mặt hàng gạo: Trong nửa đầu tháng 12/2020, giá lúa gạo tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long tiếp tục tăng so với cuối tháng 11/2020. Tại An Giang, giá lúa IR 504 ở mức 6.800 đ/kg, tăng 350 đ/kg; Đài thơm 8 đạt 7.200 đ/kg, tăng 300 đ/kg; OM 5451 giá 6.900 đ/kg, tăng 500 đ/kg; lúa Jasmine tăng 100 đ/kg lên 6.800 đ/kg; OM 9577 và OM 9582 đạt 6.800 đ/kg, tăng 100 đ/kg; nếp tươi An Giang đạt 5.600 đ/kg; OM 6976 ổn định ở mức 6.800 đ/kg; nếp tươi Long An giá 6.300 – 6.500 đ/kg.

Với mặt hàng gạo, giá gạo thành phẩm xuất khẩu IR 504 ở mức 11.000 đ/kg, tăng 150 đ/kg. Giá gạo nguyên liệu IR 504 tăng 650 đ/kg lên 9.700 đ/kg; gạo nguyên liệu OM 5451 và OM 18 ở mức 10.000 đ/kg, tăng 700 đ/kg.

Tuy nhiên, giá chào bán gạo trắng 5% tấm của Việt Nam trên thị trường thế giới giảm 10 – 15 USD/tấn so với cuối tháng 11/2020, xuống còn 470 - 490 USD/tấn. Hoạt động mua bán diễn ra chậm do nhu cầu yếu. Các nhà cung cấp kỳ vọng xuất khẩu sẽ tăng trong quý I/2021 do nhu cầu gia tăng từ Philippin, châu Phi và Trung Quốc.

+ Mặt hàng cà phê: Giá cà phê nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên tăng trở lại trong nửa đầu tháng 12/2020 với mức tăng 500 đ/kg so với cuối tháng 11/2020, đạt 33.000 đ/kg. Mùa thu hoạch cà phê năm nay, tình trạng thiếu hụt nhân công thu hái đang diễn ra tại các vùng trọng điểm như: Chư Prông, Ia Grai, Chư Păh... Trước tình trạng khan hiếm lao động hái cà phê, nhiều hộ đang đổi công cho nhau để thu hoạch cho kịp thời vụ. Đây cũng là một

trong những giải pháp mà chính quyền địa phương khuyến khích người trồng cà phê thực hiện trong lúc này.

+ Mặt hàng hạt điều: Sau nhiều tuần ổn định, giá điều nhân W240 và W320 tại Bình Phước tăng nhẹ 1.000 – 2.000 đ/kg lên 28.000 – 30.000 đ/kg. Giá hạt điều dự kiến có xu hướng tăng trong ngắn hạn do lượng cung điều nhân ở Việt Nam không còn nhiều trong khi giá mua điều thô vẫn đang cao nên các nhà chế biến rất thận trọng trong việc nhập khẩu điều thô. Ngoài ra, xuất khẩu hạt điều nhân của Việt Nam thời gian gần đây cũng tốt do nhu cầu phục vụ các dịp Lễ, Tết cuối năm của các nước nhập khẩu lớn như Mỹ, Ấn Độ, EU và Trung Quốc.

+ Mặt hàng hạt tiêu: Thị trường hạt tiêu đã kết thúc chuỗi dài tăng giá bằng việc điều chỉnh giảm 1.000 đ/kg trong nửa đầu tháng 12/2020, xuống còn 56.500 đ/kg. Tuy nhiên, theo Hiệp hội Hạt tiêu Việt Nam (VPA), các yếu tố cung cầu sẽ hỗ trợ giá hạt tiêu trong thời gian tới bởi nguồn cung hạt tiêu thiếu hụt do mùa vụ 2020/21 dự kiến sẽ thu hoạch chậm hơn. Tâm lý găm giữ hàng tại các quốc gia sản xuất lớn sẽ diễn ra, tạo thêm áp lực cạnh tranh mua trên thị trường.

+ Mặt hàng thủy sản: Trong nửa đầu tháng 12/2020, giá cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp giảm 2.000 đ/kg so với cuối tháng 11/2020, xuống còn 21.000 đ/kg. Giá cá tra giảm do các nhà xuất khẩu lo ngại xuất khẩu sang Trung Quốc sẽ tiếp tục khó khăn ngay cả khi thị trường này quay trở lại tình trạng bình thường. Trong tháng 11/2020, Trung Quốc triển khai phun khử trùng bao bì và truy xuất nguồn gốc đối với 100% thủy sản nhập khẩu. Đây là nguyên nhân chính khiến

cá tra ùn tắc tại các cảng, cửa khẩu và làm tăng phí bảo quản. Hiệp hội các nhà sản xuất – xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) cảnh báo các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản không hạ giá bởi động thái này sẽ tác động tiêu cực lên xuất khẩu sang Trung Quốc. Hiện Trung Quốc là thị trường xuất khẩu cá tra hàng đầu của Việt Nam, chiếm hơn 35% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này.

+ Mặt hàng cao su: Tiếp tục xu hướng tăng, giá thu mua cao su của Tổng Công

ty Cao su Đồng Nai trong nửa đầu tháng 12/2020 tăng 800 đ/kg so với cuối tháng 11/2020, dao động ở mức 8.700 – 12.500 đ/kg. Ngược lại, giá thu mua mủ cao su của Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh giảm 600 – 900 đ/kg so với cuối tháng 11/2020, dao động ở mức 7.800 – 11.300 đ/kg. Mặc dù biến động trái chiều trong nửa đầu tháng 12/2020 nhưng nhìn chung giá cao su được dự báo vẫn ở mức cao trong ngắn hạn do nguồn cung thế giới hạn chế trong khi nhu cầu từ thị trường Trung Quốc phục hồi mạnh.

### Tham khảo giá nông, lâm, thủy sản tại thị trường trong nước ngày 15/12/2020

Tên hàng	Ngày 15/12/2020 (đ/kg)	So với ngày 26/11/2020 (%)	So với đầu năm 2020 (%)	So với cùng kỳ 2019 (%)
Gạo nguyên liệu IR 504	9.750	7,7	47,7	43,4
Gạo thành phẩm IR 504	11.000	4,8	46,7	46,7
Tấm gạo IR 504	10.000	2,0	56,3	49,3
Cám vàng	6.850	-1,4	42,7	24,5
Cà phê nhân xô tại Tây Nguyên	33.000	1,5	2,8	-0,9
Giá nhân điều xô tại Bình Phước	30.000	0,0	-18,9	-18,5
Điều W240	28.000	3,7	-89,0	-89,0
Điều W320	30.000	7,1	-87,8	-87,8
Tiêu đen Tây Nguyên và Nam Bộ	56.500	-1,7	34,5	32,9
Cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp	21.000	-8,7	0,0	5,0
Tôm càng xanh tại Đồng Tháp (100 g/con)	230.000	-17,9	0,0	0,0
Cá ngừ vằn tại Đà Nẵng	55.000	0,0	-21,4	0,0
Mực ống tại Đà Nẵng (17 - 24 cm/con)	120.000	-7,7	-14,3	0,0
Tôm sú tại Đà Nẵng (25 - 30 con/kg)	240.000	9,1	-25,0	-25,0
Tôm chân trắng tại Đà Nẵng (60 con/kg)	120.000	0,0	0,0	-4,0
Giá cao su dạng nước tại Bình Phước (đ/độ TSC)	320	0,0		
Giá cao su dạng thô tại Bình Phước	12.000	0,0		
<b>Giá thu mua cao su của Tổng Công ty Cao su Đồng Nai</b>				
Loại 1 (đ/độ TSC)	340	6,9	13,3	14,1
Loại 2 (đ/độ TSC)	333	7,1	12,1	12,9
Mủ nước tại vườn	36.800	7,0	13,6	14,3
Mủ chén dây khô	12.500	6,8	0,0	0,0
Mủ chén dây vừa	11.500	7,5	0,0	0,0
Mủ đông khô	10.300	8,4	0,0	0,0
Mủ đông vừa	8.700	10,1	0,0	0,0
Mủ dây khô	11.900	7,2	0,0	0,0
<b>Giá thu mua cao su của Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh</b>				
Mủ cao su nước tại vườn (đ/độ TSC)	320	-1,5	15,5	14,3
Mủ cao su nước tại nhà máy (đ/độ TSC)	325	-1,5	15,2	14,0
Mủ chén, dây khô	11.300	-7,4	-5,8	-7,4
Mủ chén ướt	7.800	-7,1	-6,0	-8,2

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

## DỰ BÁO XUẤT KHẨU MẶT HÀNG GẠO TĂNG TỐC DO NHỮNG LỢI THẾ TỪ CÁC HIỆP ĐỊNH MANG LẠI



Năm 2020 được đánh giá là một năm khá thành công với ngành lúa gạo Việt Nam trên nhiều phương diện, cho dù phải đối mặt với rất nhiều khó khăn do tác động tiêu cực của dịch Covid-19 và sản lượng giảm do ảnh hưởng của thiên tai, hạn hán.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến trung tuần tháng 11/2020, cả nước đã thu hoạch được 1.424,7 nghìn ha lúa mùa, chiếm 89,9% diện tích gieo cấy và bằng 98,1% cùng kỳ năm trước. Ước tính năng suất lúa mùa năm nay của cả nước đạt 51 tạ/ha, tăng 0,5 tạ/ha so với vụ mùa năm trước; sản lượng đạt 8,08 triệu tấn, giảm 20,7 nghìn tấn. Diện tích gieo trồng lúa Thu Đông năm 2020 tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long ước tính đạt 724 nghìn ha, giảm 0,2 nghìn ha so với vụ Thu Đông năm trước. Đến nay, toàn vùng đã thu hoạch được 382,9 nghìn ha lúa, chiếm 52,9% diện tích gieo cấy và bằng

103,9% cùng kỳ năm trước. Ước tính năng suất toàn vụ đạt 55,1 tạ/ha, tăng 0,2 tạ/ha so với vụ Thu Đông năm trước; sản lượng đạt 3,99 triệu tấn, tương đương năm trước.

Mặc dù trong năm 2020, sản lượng gạo sứt giảm trong vụ Đông Xuân và Hè Thu nhưng đây lại là năm giá gạo Việt Nam tăng lên mức cao nhất trong khoảng 10 năm qua, giúp kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp không giảm. Giá xuất khẩu gạo trong tháng 11/2020 đạt bình quân 534 USD/tấn, tăng 1% so với tháng 10/2020 và tăng 16% so với cùng kỳ năm 2019. Trong 11 tháng năm 2020, gạo cũng là mặt hàng có giá xuất khẩu tăng mạnh nhất, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2019, đạt bình quân 496 USD/tấn. Trên thị trường thế giới, giá chào bán gạo trắng 5% tấm của Việt Nam tính đến ngày 15/12/2020 dao động ở mức 470 – 490 USD/tấn. Với diễn biến này, trong 11 tháng qua, xuất khẩu gạo của cả nước đạt

hơn 2,8 tỷ USD, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong bối cảnh dịch Covid-19 tác động tiêu cực đến các hoạt động giao thương nông sản trên toàn cầu thì mức tăng trưởng của xuất khẩu gạo là một điểm sáng, mở ra những kỳ vọng mới cho ngành hàng chiến lược này.

Có ba lý do chính giúp giá gạo Việt Nam tăng cao trong thời gian qua, cụ thể như sau:

+ Thứ nhất, người nông dân và các Hợp tác xã tại nhiều địa phương đã thay đổi qui trình sản xuất từ lượng sang chất, dẫn đến chất lượng gạo Việt Nam được cải thiện rõ rệt. Sự chuyển hướng trong cơ cấu chủng loại có thể thấy rõ tại các địa phương ở vùng trọng điểm lúa gạo Đồng bằng sông Cửu Long, khi diện tích trồng lúa thơm, lúa đặc sản không ngừng tăng lên trong những năm vừa qua. Riêng đối với giống lúa thơm, sản lượng lúa thơm toàn vùng ước đạt 5,5 triệu tấn/năm, tương đương khoảng 3,5 triệu tấn gạo.

+ Thứ hai, nhu cầu dự trữ gạo của các quốc gia nhập khẩu phục vụ thị trường nội địa tăng do dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp. Trong khi đó, sản lượng lúa gạo của một số nước xuất khẩu gạo khác như Thái Lan giảm do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu khiến gạo Việt Nam trở thành một trong những lựa chọn thay thế.

+ Thứ ba, nhiều Hiệp định thương mại mang tầm chiến lược lớn như CPTPP, EVFTA đã có hiệu lực và gần đây Hiệp định RCEP được ký kết sẽ thúc đẩy các doanh nghiệp Việt Nam tổ chức lại khâu sản xuất, chế biến, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng các quy định khắt khe của các thị trường "khó tính". Đồng thời, gạo Việt Nam được hưởng các ưu đãi về thuế quan, nâng cao khả năng cạnh tranh để tăng cường xuất khẩu.

Như vậy, những diễn biến khả quan về giá gạo xuất khẩu cùng với những tín hiệu mới từ thị trường EU chính là những điểm nhấn quan trọng trong xuất khẩu gạo của

nước ta những tháng vừa qua. Hiện một số doanh nghiệp xuất khẩu gạo đã đạt được một số kết quả bước đầu trong việc tận dụng các cam kết trong Hiệp định EVFTA. Tuy nhiên, để thâm nhập sâu và bền vững vào thị trường EU, mặt hàng gạo phải đáp ứng được 3 yêu cầu chính là có hệ thống quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo đảm truy xuất nguồn gốc; đạt các chỉ tiêu cơ lý, bảo đảm độ thuần chuẩn; bảo đảm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (MRL) trên 486 hoạt chất theo quy định của EU.

Nắm bắt được tiềm năng này, trong thời gian qua nhiều doanh nghiệp xuất khẩu gạo lớn đã và đang đẩy mạnh đầu tư vào chất lượng gạo thông qua việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và các giải pháp bảo quản, chế biến. Điển hình như Công ty Cổ phần Nông nghiệp công nghệ cao Trung An xây dựng cánh đồng gạo sạch, hữu cơ theo tiêu chuẩn EU và Mỹ. Đồng thời, đầu tư hơn 10 silo chứa lúa khô của Đức, có thể dự trữ khoảng 30 nghìn tấn, bảo đảm nguồn cung và chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của đối tác. Ngoài ra, Tập đoàn Lộc Trời cũng đang triển khai lộ trình ứng dụng 1.000 thiết bị máy bay không người lái (drone) trong sản xuất nông nghiệp vào năm 2024 nhằm mang lại hiệu quả cao trong canh tác và góp phần bảo đảm sức khỏe cho người nông dân.

Như vậy, diễn biến khả quan trong xuất khẩu gạo từ đầu năm 2020 đến nay cùng với những chuyển biến tích cực về giá xuất khẩu, cơ cấu chủng loại, thương hiệu và những động lực đến từ các FTA liên quan đến nông nghiệp... đã và đang tạo ra những cơ hội "chuyển mình" rõ rệt hơn cho ngành hàng lúa gạo trên cả hai lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu. Do đó, việc chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm và tận dụng tốt các cơ hội đang có chính là vấn đề quan trọng nhất của toàn ngành trong giai đoạn hiện nay. Nếu làm được điều này, chắc chắn sẽ đem lại vị thế mới và nâng cao vai trò của hạt gạo Việt Nam trên thị trường thế giới.

# THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

## NHIỀU TÍN HIỆU TÍCH CỰC TRONG XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM



Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam trong tháng 11/2020 đạt 3,39 tỷ USD, giảm 4,6% so với tháng 10/2020, nhưng lại tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2019. Điều này cho thấy xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tiếp tục phục hồi tốt sau những ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao với mức tăng 28,6% so với tháng 11/2019, cao su tăng 26,7%, xuất khẩu hạt tiêu tăng tới 51,3%. Ngoài ra, xuất khẩu gạo giảm 3,3% về lượng nhưng lại tăng tới 12,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng khác vẫn cho thấy những khó khăn nhất định như kim ngạch xuất khẩu hàng thủy sản giảm 2,9% so với tháng 11/2019, hàng rau quả giảm 12,9%, cà phê giảm 17,8%...

Đáng chú ý, nhu cầu thế giới phục hồi cũng kéo theo giá xuất khẩu hầu hết các mặt hàng nông sản tăng lên so với tháng trước cũng như so với cùng kỳ năm 2019. Đây là dấu hiệu tích cực, là động lực cho

tăng trưởng xuất khẩu những tháng tới. Cụ thể, trong tháng 11/2020, giá xuất khẩu bình quân cà phê đạt 1.924 USD/tấn, tăng 4,2% so với tháng 10/2020 và tăng 10% so với cùng kỳ năm 2019; giá xuất khẩu hạt tiêu tăng 6,3% so với tháng 10/2020 và tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2019; giá xuất khẩu cao su tăng 10,3% so với tháng 10/2020 và tăng 16,3% so với cùng kỳ năm 2019; giá xuất khẩu gạo đạt bình quân 538 USD/tấn, tăng 1,6% so với tháng 10/2020 và tăng 16,7% so với cùng kỳ năm 2019. Trong 11 tháng năm 2020, trong khi giá nhiều mặt hàng nông sản sụt giảm thì giá xuất khẩu mặt hàng gạo lại tăng 12,9% so với cùng kỳ năm 2019, đạt bình quân 496 USD/tấn.

Như vậy, tính chung 11 tháng năm 2020, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam đạt 33,62 tỷ USD, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2019 và chiếm 13,2% trên tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam. Đà tăng trưởng này chủ yếu đến từ hai mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 15,6%) và gạo (tăng 9,7%).

**Trị giá xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam trong tháng 11 và 11 tháng năm 2020 (ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)**

Mặt hàng	Tháng 11/2020		So với tháng 11/2019 (%)		11 tháng năm 2020		So với 11 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
<b>Tổng kim ngạch xuất khẩu</b>		<b>25.237.866</b>		<b>10,7</b>		<b>254.970.957</b>		<b>5,5</b>
<b><i>Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản</i></b>		<b>3.390.030</b>		<b>8,9</b>		<b>33.623.351</b>		<b>3,0</b>
Tỷ trọng (%)		13,4				13,2		
Gỗ và sản phẩm gỗ		1.236.162		28,6		11.023.320		15,6
- Sản phẩm gỗ		1.005.640		32,1		8.474.474		22,0
Hàng thủy sản		742.185		-2,9		7.683.687		-1,7
Hàng rau quả		261.514		-12,9		2.993.715		-12,2
Hạt điều	45.953	281.822	12,2	-3,2	463.511	2.908.383	12,2	-2,7
Gạo	351.515	188.968	-3,3	12,8	5.702.702	2.828.497	-2,9	9,7
Cà phê	83.730	161.128	-25,3	-17,8	1.426.052	2.487.505	-3,0	-1,9
Cao su	216.409	331.202	9,0	26,7	1.523.682	2.023.670	1,5	-0,1
Sắn và các sản phẩm từ sắn	281.149	106.672	-7,5	-2,8	2.430.298	871.034	9,9	2,0
- Sắn	48.219	10.154	-16,7	-1,9	576.070	131.126	70,3	83,6
Hạt tiêu	22.930	60.483	34,9	51,3	264.636	603.421	-1,1	-10,5
Chè	12.137	19.894	-11,9	-11,5	123.851	200.119	1,3	-5,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

**Giá xuất khẩu bình quân các mặt hàng nông sản của Việt Nam trong tháng 11 và 11 tháng năm 2020**

Mặt hàng	Tháng 11/2020 (USD/tấn)	So với tháng 10/2020 (%)	So với tháng 11/2019 (%)	11 tháng năm 2020 (USD/tấn)	So với 11 tháng năm 2019 (%)
Hạt điều	6.133	2,3	-13,7	6.275	-13,3
Cà phê	1.924	4,2	10,0	1.744	1,1
Chè	1.639	-3,1	0,5	1.616	-6,7
Hạt tiêu	2.638	6,3	12,1	2.280	-9,5
Gạo	538	1,6	16,7	496	12,9
Sắn và các sản phẩm từ sắn	379	-2,7	5,1	358	-7,2
- Sắn	211	-19,4	17,8	228	7,8
Cao su	1.530	10,3	16,3	1.328	-1,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



Theo dự báo, xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới do nhu cầu thế giới đang trên đà hồi phục sau đại dịch Covid-19. Trong khi đó, các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA và CPTPP cũng đang tác động tích cực tới xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam, mở ra cơ hội đa dạng hóa thị trường với những ưu đãi lớn về thuế quan.





Ngay sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực, xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản chủ lực của Việt Nam sang thị trường châu Âu ghi nhận mức tăng trưởng khả quan, cho thấy giá trị và lợi thế của sản phẩm nông nghiệp Việt Nam. Đồng thời cũng chứng tỏ ngành nông nghiệp đã có sự chuẩn bị tốt để biến cơ hội thành kết quả thực tế, góp phần nâng cao kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp. Thâm nhập được thị trường châu Âu sẽ tạo điều kiện cho hàng nông sản Việt Nam tiếp tục thâm nhập các thị trường lớn khác.

Thời gian qua, xuất khẩu nông sản sang EU tận dụng tốt các ưu đãi theo Hiệp định EVFTA như: Tôm đông lạnh, chanh leo xuất khẩu sang Đức; Trái cây (gôm bưởi, thanh long) xuất khẩu sang Anh, Đức, Hà Lan; Gạo thơm xuất khẩu sang CH Séc... Đây là những lô hàng được hưởng thuế suất 0% khi xuất khẩu vào EU. Ngoài sự nỗ lực tạo điều kiện về mặt thủ tục pháp lý cho doanh nghiệp xuất khẩu từ các cơ quan chức năng, các địa phương, doanh nghiệp và người nông dân đã hết sức chủ động, nhanh chóng thích ứng với các điều kiện của EVFTA.

Thời gian tới, để tiếp tục phát huy lợi thế tại thị trường này thì các ngành hàng nông nghiệp còn nhiều việc cần hoàn thiện, như sản xuất và chế biến, tiêu thụ theo chuỗi khép kín, bảo đảm vệ sinh an

toàn thực phẩm với những yêu cầu khắt khe nhất từ châu Âu. Ngoài ra, cần đặc biệt quan tâm đến việc phát triển bền vững về môi trường, sử dụng lao động, bởi đây là những vấn đề mà các quốc gia châu Âu đang hết sức coi trọng trong sản xuất nông nghiệp.

Trong tháng 11/2020, do sự bùng phát trở lại của dịch Covid-19 nên kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang nhiều nước tại khu vực EU giảm khá mạnh so với cùng kỳ năm 2019 như: Đức giảm 26%, Hà Lan giảm 14%, Italia giảm 13,4%... Tuy vậy đây vẫn là thị trường xuất khẩu nhiều tiềm năng tăng trưởng trong năm 2021 do hưởng lợi từ Hiệp định EVFTA.

Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ và Trung Quốc lại tăng khá mạnh so với tháng 11/2019. Cụ thể, Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 1,06 tỷ USD, tăng 32% so với cùng kỳ năm 2019. Đứng thứ hai là thị trường Trung Quốc với kim ngạch đạt 849,69 triệu USD, tăng 9,1% so với tháng 11/2019.

Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu sang Nhật Bản cũng tăng 3,9% so với tháng 11/2019, Hàn Quốc tăng 1,4%, Canada tăng 8,4%, Australia tăng 40,5%...

**Trị giá xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang một số thị trường chính trong tháng 11 và 11 tháng năm 2020**

Thị trường	Tháng 11/2020 (nghìn USD)	So với tháng 11/2019 (%)	11 tháng năm 2020 (nghìn USD)	So với 11 tháng năm 2019 (%)	Thị phần 11T/2020 (%)	Thị phần 11T/2019 (%)
<b>Tổng trị giá</b>	<b>3.390.030</b>	<b>-4,6</b>	<b>33.623.351</b>	<b>3,0</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
Mỹ	1.058.834	32,0	9.344.254	23,0	27,8	23,3
Trung Quốc	849.689	9,1	7.202.902	-2,8	21,4	22,7
EU	224.399	-20,4	3.083.485	-4,4	9,2	9,9
Đức	49.083	-26,0	779.110	-3,3	2,3	2,5
Hà Lan	62.401	-14,0	755.588	6,2	2,2	2,2
Italia	27.781	-13,4	370.849	-7,5	1,1	1,2
Bỉ	19.158	-17,3	298.782	1,0	0,9	0,9
Pháp	22.729	-24,8	282.774	-14,7	0,8	1,0
Tây Ban Nha	18.907	-34,9	279.560	-19,7	0,8	1,1
Ba Lan	7.059	24,9	97.287	22,2	0,3	0,2
Đan Mạch	5.823	-20,8	68.939	0,1	0,2	0,2
Bồ Đào Nha	4.233	-16,4	54.231	-23,0	0,2	0,2
Thụy Điển	2.704	-27,0	36.470	-12,0	0,1	0,1
Hy Lạp	2.970	13,3	33.493	-10,9	0,1	0,1
Rumani	654	-44,8	12.811	4,6	0,0	0,0
Phần Lan	121	-83,2	5.679	-25,2	0,0	0,0
Cộng Hoà Séc	729	-48,0	5.268	-27,6	0,0	0,0
Áo	46	-51,4	1.460	-10,6	0,0	0,0
Hungary			1.185	-80,7	0,0	0,0
Nhật Bản	276.774	3,9	2.811.366	-0,9	8,4	8,7
ASEAN	175.312	-7,2	2.652.270	0,5	7,9	8,1
Thái Lan	52.986	-4,2	542.517	5,0	1,6	1,6
Campuchia	5.694	-26,5	72.540	27,7	0,2	0,2
Philippin	53.608	46,9	1.128.677	1,3	3,4	3,4
Malaysia	34.010	-8,9	525.781	0,1	1,6	1,6
Singapore	17.040	-15,4	193.821	-3,3	0,6	0,6
Indonesia	7.939	-11,7	109.117	15,4	0,3	0,3
Myanma	210	-74,3	14.696	13,7	0,0	0,0
Lào	3.721	-83,0	63.872	-43,6	0,2	0,3
Brunei	105	-25,0	1.248	-75,0	0,0	0,0
Hàn Quốc	164.133	1,4	1.705.355	-0,4	5,1	5,2
Anh	55.800	-11,1	688.687	-7,4	2,0	2,3
Canada	60.855	8,4	576.420	11,3	1,7	1,6
Australia	65.684	40,5	566.788	9,3	1,7	1,6
Nga	28.626	6,0	379.015	0,3	1,1	1,2
Đài Loan	34.082	-4,3	370.422	3,0	1,1	1,1
Hồng Kông	27.114	-0,5	283.016	-4,9	0,8	0,9
Gana	9.206	-69,3	273.010	34,3	0,8	0,6
Bờ Biển Ngà	21.159	146,4	205.638	-11,1	0,6	0,7
Ấn Độ	18.667	-35,3	188.500	-45,2	0,6	1,1
UAE	16.388	4,0	170.658	1,6	0,5	0,5
Pakixtan	15.688	-8,1	121.761	-5,4	0,4	0,4

Thị trường	Tháng 11/2020 (nghìn USD)	So với tháng 11/2019 (%)	11 tháng năm 2020 (nghìn USD)	So với 11 tháng năm 2019 (%)	Thị phần 11T/2020 (%)	Thị phần 11T/2019 (%)
Ixraen	11.644	8,3	109.945	-13,7	0,3	0,4
Ả Rập Xê út	10.526	19,9	104.164	6,7	0,3	0,3
Angiêri	6.130	-27,3	94.328	-14,2	0,3	0,3
Ai Cập	11.845	100,7	89.474	-4,3	0,3	0,3
Irắc	3.419	573,9	76.640	-53,7	0,2	0,5
Mexico	9.326	-13,6	72.538	-46,4	0,2	0,4
Ukraina	5.620	9,8	56.666	9,9	0,2	0,2
New Zealand	5.832	1,7	54.986	-10,4	0,2	0,2
Braxin	8.191	1,2	53.097	-23,4	0,2	0,2
Thổ Nhĩ Kỳ	5.122	-14,5	48.554	-16,5	0,1	0,2
Thụy Sĩ	3.887	233,8	40.231	55,5	0,1	0,1
Chilê	2.771	-3,0	37.783	1,0	0,1	0,1
Côlombia	5.003	48,1	29.039	-34,3	0,1	0,1
Môđambích	1.545	-64,9	28.457	15,5	0,1	0,1
Nam Phi	1.909	6,3	22.459	-26,3	0,1	0,1
Xê-nê-gan	339	-83,7	21.992	-27,3	0,1	0,1
Na Uy	1.536	-6,4	18.594	-2,7	0,1	0,1
Côoét	1.888	-15,0	16.856	-11,3	0,1	0,1
Sri Lanka	1.489	-21,3	15.332	-32,7	0,0	0,1
Pêru	1.049	101,1	9.809	-3,5	0,0	0,0
Tanzania	36	-32,1	8.756	-17,5	0,0	0,0
Bangladesh	408	-75,1	7.692	-49,6	0,0	0,0
Achentina	545	85,0	3.243	38,2	0,0	0,0
Panama	400	6,3	3.085	-38,5	0,0	0,0
Angôla	42	-87,5	2.336	-67,6	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



## NHIỀU TIỀM NĂNG XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG THỊ TRƯỜNG ĐÀI LOAN



Mặc dù bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 nhưng xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Đài Loan vẫn đạt kết quả khả quan trong 11 tháng năm 2020.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Đài Loan trong 11 tháng năm 2020 đạt 370,42 triệu USD, tăng 3,0% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xuất khẩu một số mặt hàng nông sản sang thị trường này ghi nhận mức tăng trưởng khá cao so với cùng kỳ năm 2019 như: Hạt điều tăng 18% về lượng

và tăng 9,3% về trị giá; Sắn và sản phẩm từ sắn tăng 22,9% về lượng và tăng 14,9% về trị giá. Bên cạnh đó, kim ngạch xuất khẩu rau quả - mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam sang thị trường Đài Loan tăng 33,6% so với 11 tháng năm 2019, đạt 85,18 triệu USD.

Ngược lại, thủy sản vẫn là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu cao nhất trong nhóm nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Đài Loan nhưng so với 11 tháng năm 2019 giảm 4,1%, đạt 107,63 triệu USD. Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Đài Loan cũng giảm 7,2% so với 11 tháng năm 2019, cao su giảm 2,9%, chè giảm 10,5%, gạo giảm 9,1%.

Trong tháng 11/2020, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản chính cũng có sự sụt giảm so với tháng trước và cùng kỳ năm 2019 như: Hàng thủy sản giảm 11,7% so với tháng 10/2020 và giảm 9,4% so với tháng 11/2019; hàng rau quả giảm 41,7% so với tháng 10/2020 và giảm 4,3% so với tháng 11/2019...

### Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Đài Loan trong tháng 11 và 11 tháng năm 2020

(ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Tên hàng	Tháng 11/2020		So với tháng 10/2020 (%)		So với tháng 11/2019 (%)		11 tháng năm 2020		So với 11 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
<b>Tổng trị giá</b>		<b>34.082</b>		<b>-17,1</b>		<b>-4,3</b>		<b>370.422</b>		<b>3,0</b>
Hàng thủy sản		10.671		-11,7		-9,4		107.628		-4,1
Hàng rau quả		5.509		-41,7		-4,3		85.176		33,6
Gỗ và sản phẩm gỗ		4.442		-35,5		-12,7		63.969		-7,2
Cao su	3.761	5.788	2,2	11,1	19,1	30,6	27.932	39.104	0,4	-2,9
Hạt điều	455	3.225	-1,1	-1,4	20,1	7,4	3.451	25.065	18,0	9,3
Chè	1.688	2.621	8,3	7,6	-8,5	-7,3	15.874	24.672	-10,2	-10,5
Sắn và các sản phẩm từ sắn	2.306	975	-24,0	-23,6	-41,4	-40,7	36.038	14.803	22,9	14,9
Gạo	1.404	851	52,6	66,6	-39,0	-20,7	17.809	10.004	-24,4	-9,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Với diện tích đất nhỏ và tốc độ đô thị hóa cao, sản xuất nông nghiệp của thị trường Đài Loan có nhiều hạn chế và phụ thuộc lớn vào nhập khẩu để sử dụng trong nước. Mặt khác, thị trường Đài Loan có dân số đang già hóa, với hơn 20% dân số dự kiến sẽ trên 65 tuổi vào năm 2026. Nhân khẩu học thay đổi và thu nhập ngày càng tăng đã làm thay đổi mô hình tiêu dùng, với mức tiêu thụ thực phẩm chế biến sẵn cao hơn và nhu cầu về các sản phẩm tốt cho sức khỏe ngày càng lớn. Người tiêu dùng tại thị trường Đài Loan đến các nhà hàng thường xuyên hơn, giúp thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của các chuỗi thức ăn nhanh và các cơ sở ăn uống bình dân.

Trong khi đó, thị trường Đài Loan là một trong những nền kinh tế giàu nhất thế giới tính theo thu nhập bình quân đầu người. Do phụ thuộc vào các sản phẩm nông nghiệp nhập khẩu, thị trường Đài Loan được đánh giá là thị trường nhiều tiềm năng cho nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam nhờ thị hiếu đa dạng, đồng thời đóng vai trò trung gian cho rất nhiều loại sản phẩm của Việt Nam sang thị trường châu Âu, châu Mỹ và khu vực Đông Á. Để phục vụ nhu cầu tiêu dùng cho người dân bản địa và khách du lịch, mỗi năm thị trường Đài Loan phải nhập khẩu một lượng lớn nông sản, thực phẩm chế biến. Những mặt hàng này lại là thế mạnh trong cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam. Ngoài ra, cộng đồng người Việt Nam (khoảng hơn 300.000 người) tại thị trường Đài Loan cũng là một kênh truyền thống quen thuộc tiêu dùng các mặt hàng của Việt Nam tại đây, góp phần hiệu quả thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường này.

### **Hàng thủy sản:**

Nhập khẩu thủy sản của thị trường Đài Loan từ Việt Nam trong những năm qua tương đối ổn định với kim ngạch trên 100 triệu USD/năm. Thị trường này có nhu cầu lớn đối với các sản phẩm tôm sú đông lạnh, tôm tươi, cá tra phi lê đông lạnh, tôm chân trắng tươi/đông lạnh, tôm chế biến, mực... của Việt Nam.

Đặc biệt, vừa qua danh sách các doanh nghiệp thủy sản của Việt Nam được phép xuất khẩu sang thị trường Đài Loan được bổ sung thêm 25 doanh nghiệp, nâng tổng số doanh nghiệp xuất khẩu sang Đài Loan lên 699 doanh nghiệp. Điều này sẽ giúp hoạt động xuất khẩu thủy sản của các doanh nghiệp Việt Nam sang thị trường Đài Loan thuận lợi hơn trong thời gian tới.

Hiện nay, tôm là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang thị trường Đài Loan. Đồng thời đây cũng là thị trường xuất khẩu lớn thứ 9 của tôm Việt Nam và Việt Nam là một trong những nguồn cung tôm lớn cho thị trường Đài Loan, chiếm 13% tổng kim ngạch nhập khẩu tôm của thị trường Đài Loan trong năm 2019. Mặc dù, thị trường Đài Loan có nguồn cá rô phi lớn chiếm đến 20-25% sản lượng nuôi trồng thủy sản nhưng cá tra Việt Nam vẫn có thể cạnh tranh với cá rô phi trên thị trường Đài Loan do giá cạnh tranh, cá thịt trắng, dễ chế biến... đã được nhiều doanh nghiệp nhập khẩu.

Theo tập quán tiêu dùng thủy sản của thị trường Đài Loan, để xuất khẩu thủy sản sang thị trường này doanh nghiệp cần đóng gói hàng hóa nhỏ gọn, thiết kế đẹp mắt, kèm đầy đủ hướng dẫn sử dụng. Ngoài ra, cần chú trọng việc quảng cáo, cung cấp thông tin để người tiêu dùng tại đây biết, tìm mua.



## Xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản của Việt Nam sang thị trường Đài Loan

Tên hàng	10 tháng năm 2020		So với 10 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tôm các loại	5.076	41.127	-3,7	-10,4
Cá đông lạnh	3.504	13.248	-25,6	0,8
Cá tra, basa	7.720	11.874	-7,3	-25,4
Surimi	3.631	8.578	20,1	26,0
Cá khô	4.118	6.968	30,1	45,9
Cá ngừ các loại	1.583	4.250	-15,5	-13,1
Mực các loại	857	3.923	24,5	33,7
Hàu	828	1.672	371,3	436,7
Bạch tuộc các loại	209	1.630	-48,0	-40,5
Mắm	874	1.538	-0,8	-7,3
Cua các loại	271	532	95,4	122,7
Cá đóng hộp	87	317	126,2	114,8
Sò các loại	49	148	56,2	51,4
Trứng cá	8	131	9,9	9,3
Ốc các loại	89	96	5,3	-0,4
Thủy sản làm cảnh	0	93	-100,0	649,9
Ghẹ các loại	19	69	10,8	-58,6
Nghêu các loại	34	65	63,9	75,5
Ruốc	25	51	-80,8	-70,4
Bong bóng cá	23	41	8,9	-42,0
Nhím	8	33	-44,8	-25,7
Chả giò	35	11	365,1	32,3
Thủy sản khác	1	5	-79,2	-80,9

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

### Hàng rau quả:

Thị trường Đài Loan là một trong những thị trường có tỷ lệ tiêu thụ trái cây tươi bình quân đầu người cao nhất thế giới, tiêu thụ gần 102 kg trên đầu người so với mức 72 kg bình quân đầu người trên toàn cầu. Tuy nhiên, thị trường Đài Loan cũng sản xuất trái cây nhiệt đới tươi và sản lượng trái cây có chất lượng cao, đáp ứng khoảng 88% tổng nhu cầu trái cây của thị trường này và thường chỉ nhập khẩu trái cây không sản xuất.

Với xu hướng tiêu dùng thực phẩm có lợi cho sức khỏe, tiêu thụ trái cây tươi của thị trường Đài Loan dự kiến sẽ tiếp tục phát triển trong vài năm tới. Nhiều nhà nhập khẩu trái cây tại thị trường Đài Loan nhập khẩu trái cây không chỉ cho thị trường nội địa mà còn tái xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc.

Trong 10 tháng năm 2020, sầu riêng là loại trái cây được xuất khẩu nhiều nhất của Việt Nam sang thị trường Đài Loan với kim ngạch đạt 17,54 triệu USD, tăng 106,2% so với cùng kỳ năm 2019. Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu nhãn, dứa, gấc sang thị trường Đài Loan cũng tăng mạnh.

Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm chế biến từ trái cây sang thị trường Đài Loan cũng tăng mạnh 658,9% so với 10 tháng năm 2019, đạt 11,24 triệu USD.





**Một số mặt hàng rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Đài Loan trong 10 tháng năm 2020**

Mặt hàng	10 tháng năm 2020 (nghìn USD)	So với 10 tháng năm 2019 (%)
Sản phẩm chế biến	31.265	61,3
Trái cây	11.236	658,9
Ớt	1.750	120,8
Chanh leo	1.419	28,6
Thạch	1.318	-38,6
Ngô	1.140	172,5
Hạnh nhân	1.091	634,1
Mận	1.032	0,8
Mãng	751	175,3
Vải	740	-30,4
Nhãn	686	-18,0
Dừa	644	105,2
Rau củ	28.757	4,4
Súp lơ	8.009	21,4
Cải thảo	5.601	3,1
Đậu Hà Lan	3.822	22,3
Nấm hương	3.043	98,1
Mộc nhĩ	1.093	-35,1
Quả	19.564	79,9
Sầu riêng	17.544	106,2
Macadamia	572	-47,0
Xoài	322	-42,4
Gấc	320	349,1
Nhãn	238	208,3
Dừa	110	146,2
Hạnh nhân	92	-70,2
Me	72	138,2
Dứa	56	284,0

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

# GẠO LÀ MẶT HÀNG CHỦ LỰC TRONG XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG THỊ TRƯỜNG PHILIPPIN

Với tính chất là một quốc đảo gặp nhiều bất lợi từ biến đổi khí hậu như từ tình trạng thiếu nước, khô hạn từ tác động của El-Nino và các cơn bão liên tục tại khu vực biển Thái Bình Dương, nền nông nghiệp của Philippin không thể đáp ứng được nhu cầu thực phẩm lớn của trên 105 triệu dân. Do đó, Philippin thường phải nhập khẩu khá nhiều các mặt hàng nông sản để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ và chế biến trong nước. Đặc biệt, người dân ở đây khá cởi mở với thực phẩm nhập khẩu, đây là điều kiện thuận lợi cho các sản phẩm nông sản Việt Nam.

Philippin hiện có nhu cầu nhập khẩu đối với nhiều loại nông sản, thực phẩm mà Việt Nam có tiềm năng, thế mạnh như:

gạo, cà phê, chè, hạt tiêu, điều, bánh kẹo, sản phẩm ngũ cốc, thực phẩm chế biến.... Cho tới nay, hoạt động xuất khẩu nông sản và thực phẩm của các doanh nghiệp Việt Nam sang thị trường Philippin đang diễn ra khá tốt và mặt hàng xuất khẩu lớn nhất vào thị trường này là gạo (đặc biệt là sau khi Philippin ban hành chính sách nhập khẩu gạo mới vào đầu năm 2019).

Để mở rộng thị trường này, doanh nghiệp có thể thông qua các hội chợ triển lãm, tìm hiểu tình hình thực tế của thị trường để có những chiến lược kinh doanh phù hợp, tìm hiểu và tạo lòng tin, uy tín cho khách hàng trong những lần đầu giao thương.

## Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Philippin trong tháng 11 và 11 tháng năm 2020

(ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Mặt hàng	Tháng 11/2020		So với tháng 10/2020 (%)		So với tháng 11/2019 (%)		11 tháng năm 2020		So với 11 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
<b>Tổng trị giá</b>		<b>53.608</b>		<b>23,7</b>		<b>46,9</b>		<b>1.128.677</b>		<b>1,3</b>
Gạo	80.266	41.495	56,0	64,8	179,0	216,4	1.941.240	910.155	-1,7	11,8
Cà phê	2.987	7.108	-46,5	-43,7	-42,3	-38,6	67.965	147.194	-2,5	-8,8
Hàng thủy sản		2.139		-36,3		-76,7		46.406		-56,8
Hạt tiêu	645	1.463	12,0	14,8	7,9	30,2	6.284	13.419	16,2	18,9
Hạt điều	163	630	46,8	74,5	49,5	17,7	1.479	6.037	6,3	-24,8
Sắn và các sản phẩm từ sắn	1.614	688	20,1	34,3	-24,8	-14,7	11.249	4.437	-52,9	-55,6
Chè	33	85			-50,0	-50,7	393	1.028	-57,7	-57,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Số liệu của Tổng cục Hải quan cho thấy, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Philippin trong tháng 11/2020 đạt 53,61 triệu USD, tăng mạnh 23,7% so với tháng 10/2020 và tăng tới 46,9% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Philippin tăng 216,4% so với cùng kỳ năm 2019, hạt tiêu tăng 30,2%, hạt điều tăng 17,7%; Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu cà phê sang thị trường này giảm 38,6%, thủy sản giảm 76,7%...

Như vậy, tính chung 11 tháng năm 2020, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Philippin đạt 1,13 tỷ USD, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong đó, mặt hàng gạo chiếm 80,6% tổng kim ngạch với 910,16 triệu USD, tăng 11,8% so với 11 tháng năm 2019. Tuy nhiên, khối lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Philippin lại giảm nhẹ 1,7%, đạt 1,94 triệu tấn. Hiện nay Philippin là thị



trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam, chiếm 34% về lượng và 32,2% về trị giá trong tổng xuất khẩu gạo của cả nước.

Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu hạt tiêu cũng tăng mạnh 18,9% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 13,42 triệu USD.

Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng khác của Việt Nam sang thị trường Philippin giảm trong 11 tháng năm 2020 như: Cà phê giảm 8,8%, thủy sản giảm 56,8%, sắn và các sản phẩm từ sắn giảm 55,6% so với cùng kỳ năm 2019.

### Mặt hàng gạo:

Từ tháng 10 đến tháng 11/2020, Philippin đã phải hứng chịu một số cơn bão gây thiệt hại hàng tỷ peso cho nông nghiệp, trong đó ngành gạo bị ảnh hưởng nhiều nhất. Tuy nhiên, nguồn cung từ vụ thu hoạch mới vẫn làm tăng đáng kể lượng gạo dự trữ của nước này. Theo số liệu của Cơ quan thống kê Philippin, tính đến đầu tháng 10/2020, tổng lượng gạo dự trữ của Philippin là 2,65 triệu tấn, tăng 45,2% từ kỷ lục 1,82 triệu tấn của tháng 9/2020 và tăng 16,1% so với mức 2,28 triệu tấn của cùng kỳ năm trước. Trong đó, 54,8% (1,45 triệu tấn) lượng gạo đến từ các hộ gia đình, 36,2% (957,75 nghìn tấn) là từ các kho thương mại và 9,1% (240 nghìn tấn) từ các kho lưu trữ của NFA. Lượng gạo hiện tại của Philippin đủ dùng trong khoảng 82 ngày dựa trên mức tiêu thụ trung bình hàng ngày 32.000 tấn.

So với mức của tháng trước, dự trữ gạo trong hộ gia đình, kho thương mại và kho (NFA) tăng lần lượt là 70,9%, 22,4% và 24,6%.

So với cùng kỳ năm 2019, dự trữ gạo từ các hộ gia đình và kho thương mại tăng 37,8% và tăng 15,0%, ngược lại với các mức giảm tương ứng trong cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, tồn kho của NFA giảm 39,2%.

Theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), Philippin vẫn là thị trường nhập khẩu gạo lớn nhất thế giới trong 9 tháng đầu năm 2020 với khối lượng đạt 1,8 triệu tấn, trị giá 738,76 triệu USD, giảm

mạnh 30,3% về lượng và 21,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Nguồn cung nội địa tăng, ảnh hưởng của dịch Covid-19 và giá gạo thế giới tăng cao là những nguyên nhân chính khiến Philippin giảm nhập khẩu gạo trong năm 2020.

Việt Nam là thị trường cung cấp gạo lớn nhất cho Philippin, chiếm 86% tổng khối lượng gạo nhập khẩu của nước này (9 tháng năm 2019 thị phần là 72,3%), đạt 1,55 triệu tấn, trị giá 588,28 triệu USD, giảm 17,1% về lượng và giảm 9,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Ngoài ra, lượng gạo nhập khẩu của Philippin từ thị trường Myanmar và Thái Lan cũng giảm mạnh 38,8% và 81,9% so với 9 tháng năm 2019.

Ngược lại, lượng gạo nhập khẩu từ Trung Quốc tăng mạnh 167,7%, Ấn Độ tăng 48,8% trong 9 tháng đầu năm 2020...

Theo dự báo của Bộ Nông nghiệp Mỹ, niên vụ 2019/20 nhập khẩu gạo của Philipin sẽ giảm xuống còn 2,3 triệu tấn từ mức 2,9 triệu tấn của niên vụ 2018/19, nhưng sau đó sẽ tăng lên 2,6 triệu tấn trong niên vụ 2020/21. Nhu cầu nhập khẩu gạo của Philippin tăng trở lại trong niên vụ tới sẽ tác động tích cực tới xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường này.

### Philippin nhập khẩu gạo từ một số thị trường chính trong 9 tháng đầu năm 2020

Thị trường	9 tháng năm 2020		So với 9 tháng năm 2019 (%)		Thị phần (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	9T 2020	9T 2019
<b>Tổng</b>	<b>1.802.588</b>	<b>738.756</b>	<b>-30,3</b>	<b>-21,4</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Việt Nam	1.549.648	588.281	-17,1	-9,8	86,0	72,3
Myanmar	132.632	43.769	-38,8	-35,3	7,4	8,4
Thái Lan	58.690	24.875	-81,9	-81,2	3,3	12,6
Trung Quốc	30.505	33.018	167,7	271,8	1,7	0,4
Ấn Độ	18.662	42.422	48,8	129,0	1,0	0,5
Pakixtan	10.245	3.335	-93,1	-94,4	0,6	5,7
Hàn Quốc	1.357	2.586	21.860	8.520	0,1	0,0
Đài Loan	641	333	190,4	197,3	0,0	0,0
Campuchia	203	129			0,0	0,0

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

## HẢI DƯƠNG CHÚ TRỌNG XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU NÔNG SẢN VÀ ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU

Hải Dương là tỉnh nằm ở trung tâm Đồng bằng sông Hồng, có nhiều tiềm năng và điều kiện thuận lợi để thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

Những năm qua, Hải Dương đã từng bước quy hoạch, phát triển được nhiều vùng sản xuất đặc sản và sản phẩm nông nghiệp có tiềm năng phát triển như: vùng chuyên canh đặc sản vải thiều, vùng chuyên canh ổi, bưởi, chanh, quýt của huyện Thanh Hà; vùng sản xuất nếp cái hoa vàng, sắn dây, hành tỏi của huyện Kinh Môn; vùng sản xuất hành tỏi của huyện Nam Sách; vùng sản xuất củ đậu, nếp quýt của huyện Kim Thành; vùng chuyên canh cà rốt của Cẩm Giàng; vùng chuyên canh chè, nhãn, na và chăn nuôi gà đồi của Chí Linh, vùng chuyên canh rau của huyện Gia Lộc...

Đi đôi với công tác phát triển vùng nông sản chuyên canh theo thế mạnh của từng địa phương, tỉnh cũng rất quan tâm đến việc chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đặc biệt là việc xây dựng thương hiệu cho các đặc sản và sản phẩm nông nghiệp có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Nhờ có sự định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp đúng hướng, phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của địa phương và có chính sách kịp thời quan tâm đến việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực nông nghiệp, nên cho đến nay Hải Dương đã xây dựng và đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ được gần 20 thương hiệu cho các đặc sản và sản phẩm nông nghiệp có tiềm năng phát triển của tỉnh dưới các hình thức phù hợp. Các thương hiệu đã

được quan tâm xây dựng và đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ như: Chỉ dẫn địa lý vải thiều "Thanh Hà" và các nhãn hiệu tập thể gồm: nếp cái hoa vàng Kinh Môn, cà rốt Đức Chính (Cẩm Giàng), sắn dây Kinh Môn, hành, mía huyện Kinh Môn, ổi Thanh Hà, bưởi Thanh Hồng (Thanh Hà), rươi Tứ Kỳ, cáy Tứ Kỳ, gà đồi Chí Linh, na Chí Linh, bánh đa Hội Yên (Thanh Miện), bánh gai Ninh Giang, củ đậu Kim Thành... Bên cạnh đó, Hải Dương cũng xây dựng thành công 37 chuỗi liên kết trong trồng trọt và chăn nuôi. Dù quy mô liên kết chưa lớn nhưng đã từng bước đặt nền tảng cho việc hình thành một nền nông nghiệp hiện đại, chuyên nghiệp.

Năm 2020 đánh một dấu mốc quan trọng trong tiêu thụ nông sản của Hải Dương khi nhiều loại trái cây thế mạnh của tỉnh là vải quả, nhãn, ổi xuất khẩu sang một số thị trường khó tính theo đường chính ngạch. Điều này đã tạo ra lợi thế lớn để sản phẩm của tỉnh không còn phụ thuộc vào Trung Quốc và giá trị sản phẩm ngày càng nâng cao.



Thành công đó là do tỉnh Hải Dương luôn chú trọng xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp và nỗ lực để mở rộng thị trường xuất khẩu, đặc biệt là đối với nông sản chủ lực. Năm 2020, Hải Dương đã xây dựng 23 vùng trồng nhãn,

vải với diện tích 220 ha được Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp mã số vùng trồng phục vụ cho xuất khẩu quốc tế. Đến nay, tỉnh Hải Dương đã xây dựng được 215 mô hình trái cây, rau màu sản xuất theo quy trình VietGAP quy mô 5 ha/vùng trở lên, với tổng diện tích 1.282 ha. Bên cạnh đó, việc triển khai Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) cũng đang mang lại những kết quả bước đầu, giúp Hải Dương nâng tầm thương hiệu cho nông sản.

Đến nay, tỉnh đã có nhiều nông sản được đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ dưới hình thức bảo hộ nhãn hiệu tập thể. Sau khi được bảo hộ sở hữu trí tuệ, các sản phẩm tiếp tục được chú trọng sản xuất theo hướng an toàn, khẳng định chất lượng, không chỉ đứng vững trên thị trường trong nước mà một số sản phẩm còn vươn ra thị trường thế giới. Quả vải và nhãn Hải Dương năm 2020 chinh phục thêm những thị trường có nhiều yêu cầu khắt khe như Nhật Bản là thành công trong nỗ lực xây dựng thương hiệu nông sản của tỉnh.

Trong năm 2020, sản lượng quả vải xuất khẩu sang các thị trường “khó tính” đạt khoảng 1.500 tấn, tăng 1.000 tấn so với năm 2019. Năm 2020 cũng là năm Hải Dương trở thành tỉnh duy nhất của miền Bắc xuất khẩu thành công trái nhãn sang các thị trường Mỹ, Australia và Singapore. Như vậy, đến nay vải và nhãn Hải Dương đã đến tay người tiêu dùng nhiều nước như: Nhật Bản, Singapore, Australia, Mỹ, Trung Đông, EU, Trung Quốc... Tổng giá trị sản xuất quả vải, nhãn năm 2020 của Hải Dương đạt khoảng 1.286 tỷ đồng; trong đó riêng vải đạt 1.166 tỷ đồng.

Số lượng các doanh nghiệp tham gia thu mua, bao tiêu nông sản trong năm 2020 cũng tăng hơn so với những năm trước. Đây là kết quả của nỗ lực chủ động kết nối, mời gọi các doanh nghiệp tiêu thụ nông sản về với địa phương.



Bên cạnh đó, trong những năm gần đây, Hải Dương có nhiều chính sách và các hoạt động quảng bá và xúc tiến thương mại tiêu thụ nông sản. Hàng loạt các hoạt động như tổ chức các hội nghị gặp gỡ doanh nghiệp xúc tiến đầu tư về nông nghiệp nông thôn; tham gia hội chợ trong và ngoài nước cho các doanh nghiệp, trang trại, hợp tác xã, các hộ sản xuất quảng bá, giới thiệu sản phẩm; đưa các đoàn đi khảo sát, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ tại Trung Quốc, Nhật Bản, Trung Đông... có được những thành công tốt đẹp.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, khi Việt Nam tham gia các Hiệp định FTA thế hệ mới, đồng thời đứng trước yêu cầu thúc đẩy phát triển mạnh mẽ hơn nữa lĩnh vực chế biến, bảo quản về nông sản, Hải Dương đang từng bước phát huy thế mạnh về nông nghiệp, phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, hình thành các chuỗi liên kết gắn với thị trường; Đổi mới tổ chức từ khâu sản xuất đến bảo quản, chế biến gắn với thị trường. Cùng với các tỉnh khác, Hải Dương quyết tâm đưa nông nghiệp khu vực Đồng bằng sông Hồng hội nhập thành công với thị trường thế giới.

*OCOP góp phần nâng tầm thương hiệu, vị thế sản phẩm truyền thống, nông đặc sản địa phương:*

Năm 2019 là năm đầu tiên tỉnh Hải Dương thực hiện Đề án “Mỗi xã một sản

phẩm giai đoạn 2018- 2020, định hướng đến năm 2030". Trọng tâm của đề án là lựa chọn những sản phẩm truyền thống, đặc sản, có lợi thế của địa phương để quảng bá, xây dựng thương hiệu, từ đó góp phần khẳng định chất lượng sản phẩm trên thị trường... Hiện toàn tỉnh đã có 55 sản phẩm đăng ký tham gia Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP).

Trong đó, thị xã Kinh Môn nhiều nhất với 16 sản phẩm, thành phố Chí Linh 12 sản phẩm, các huyện Thanh Hà, Kim Thành mỗi nơi 7 sản phẩm, Cẩm Giàng, thành phố Hải Dương mỗi nơi 5 sản phẩm, huyện Nam Sách 2 sản phẩm và Thanh Miện 1 sản phẩm. Trong số này có 2 sản phẩm nâng hạng lên 5 sao là Tỏi đen Vietkiga của Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại Agrico và Rượu nếp cái hoa vàng Phương Khiêm của Công ty TNHH

Một thành viên Phương Khiêm (đều thuộc thị xã Kinh Môn).

Theo kế hoạch, trong năm 2020, tỉnh Hải Dương tiếp tục thực hiện Đề án Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2016- 2020. Đồng thời, đẩy mạnh triển khai có hiệu quả Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả; Đề án OCOP; Nghị quyết hỗ trợ các mô hình liên kết theo Nghị định 98. Cùng với đó, tỉnh mở rộng các mô hình sản xuất tập trung, nông nghiệp an toàn gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; xây dựng một số mô hình tích tụ ruộng đất để sản xuất hàng hóa tập trung và ứng dụng công nghệ cao... Phấn đấu hết năm 2020, tỉnh sẽ có thêm khoảng 70 sản phẩm được đánh giá, xếp hạng.

## HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN THúc ĐẨY THƯƠNG MẠI NÔNG SẢN VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

**N**gày 8/12/2020, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và Tổng cục Hải quan Trung Quốc đã tổ chức hội nghị trực tuyến để thúc đẩy thương mại nông sản hai nước.

Tại hội nghị, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan Trung Quốc đã ký kết Nghị định thư xuất khẩu thạch đen sang Trung Quốc. Đây được coi là giấy thông hành chính thức để sản phẩm này xuất khẩu chính ngạch sang thị trường Trung Quốc.

Cùng với thạch đen, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đề nghị phía Trung Quốc sớm mở cửa thị trường cho sản phẩm sấu riêng và khoai lang, sau đó là bưởi, chanh leo và các sản phẩm chăn nuôi khác, điển hình là tổ yến.

Đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Bộ NN&PTNT đề nghị Tổng cục Hải quan Trung Quốc xem xét áp dụng linh hoạt hình thức kiểm tra trực tuyến hoặc qua video như cách làm với tổ yến để thúc đẩy thương mại giữa hai nước.

Trước những đề nghị của Việt Nam, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan Trung Quốc cho biết, hai bên đã có nhiều kết quả tích cực trong đánh giá rủi ro đối với sản phẩm khoai lang và sấu riêng, khâu còn lại là đánh giá thực địa, nhưng do dịch Covid-19 nên Trung Quốc chưa thể cử chuyên gia sang Việt Nam kiểm tra, đánh giá.

Về đề nghị cấp phép thêm một số nhà máy sữa, doanh nghiệp thủy sản và các sản phẩm thủy sản được xuất khẩu sang



Trung Quốc, Trung Quốc đang thẩm định hồ sơ theo quy trình, thời gian tới dự kiến sẽ có một số doanh nghiệp được xuất khẩu các sản phẩm này sang Trung Quốc.

Về đề xuất nhập khẩu giống lúa lai của Trung Quốc, Bộ trưởng NN&PTNT Việt Nam cho biết, Việt Nam đánh giá cao, ủng hộ và tạo điều kiện thuận lợi nhất để các giống lúa lai của Trung Quốc được gieo trồng tại Việt Nam. Bộ sẽ chỉ đạo các viện nghiên cứu vừa tiếp nhận vừa nghiên cứu các giống lúa cho

Việt Nam và Trung Quốc.

Tại hội nghị, hai bên đồng ý để các cơ quan liên quan của hai nước thiết lập đường dây nóng nhằm phối hợp kịp thời xử lý những vướng mắc trong thương mại giữa hai nước, đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp hai bên.

Hai bên cũng đồng ý cao việc tăng cường chống buôn lậu, kiểm dịch động vật để phòng chống dịch bệnh động vật xuyên biên giới, nâng cao năng lực kiểm dịch của hai bên.

## TRIỂN LÃM QUỐC TẾ TRỰC TUYẾN HỖ TRỢ CÁC DOANH NGHIỆP MIỀN TRUNG TẠI AUSTRALIA

Các tỉnh miền Trung vừa gánh chịu nhiều tổn thất do thiên tai, do vậy việc thúc đẩy sản xuất, tạo việc làm có ý nghĩa quan trọng. Để hỗ trợ doanh nghiệp miền Trung tìm kiếm thị trường, Thương vụ Việt Nam tại Australia chuẩn bị tổ chức:

### TRIỂN LÃM QUỐC TẾ NGUỒN HÀNG VIỆT NAM | CÁC TỈNH MIỀN TRUNG

Hình thức: Triển lãm trực tuyến mô phỏng trên nền tảng icloud; tầm nhìn ứng dụng AI marketing dài hạn.

Ngành nghề: Triển lãm tổng hợp các ngành nghề có thế mạnh của miền Trung.

Khách mua hàng: Tại Úc và từ nhiều thị trường lớn trên thế giới.

Chi phí: Doanh nghiệp không phải đóng bất cứ khoản phí nào.

Gian hàng doanh nghiệp: Được thiết kế miễn phí 01 gian hàng trực tuyến.

Phòng hội thảo ảo sẽ giới thiệu tiềm năng từng địa phương để kêu gọi đầu tư.

Thương vụ sẽ tặng các biển quảng cáo tại trang chủ trên nền tảng của triển lãm cho doanh nghiệp có tài trợ từ thiện cho địa phương (Tiền tài trợ xin gửi trực tiếp cho Cơ quan chức năng tại địa phương).

Thời gian dự kiến: Từ ngày 18 đến ngày 22 tháng 12 năm 2020 (hoặc khi doanh nghiệp khắc phục xong ảnh hưởng của thiên tai, hoàn thiện đăng ký).

Vui lòng đăng ký tại:

<https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSeMzBwx9iJc4UyEbBD9wtw3kk0JGaf13VVcd3UA0IKulbf0mg/viewform>

## QUẢNG BÁ SẢN PHẨM OCOP ĐỒNG THÁP

Ngày 10/12/2020, tại thành phố Cao Lãnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp tổ chức Hội chợ Triển lãm Thương mại với chủ đề "Sản phẩm OCOP - Kết nối vươn xa."

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp trao giấy chứng nhận xếp hạng sản phẩm thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Đồng Tháp năm 2020 cho 99 sản phẩm đạt 3 và 4 sao của 42

chủ thể của các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh (34 sản phẩm đạt 4 sao và 65 sản phẩm đạt 3 sao).

Đồng Tháp là địa phương có nhiều sản phẩm OCOP được kết nối đưa vào siêu thị và các kênh bán hàng hiện đại, với những sản phẩm mang lại giá trị xanh, từ tiềm năng xanh, kết tinh từ tài nguyên bản địa, tạo sức mạnh to lớn, bền vững cho Đồng Tháp.

# QUẢNG NINH TỔ CHỨC HỘI CHỢ TRIỂN LÃM KÍCH CẦU TIÊU DÙNG VÀ HỘI CHỢ HÀNG CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN NĂM 2020

Tối 10/12/2020, tại Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm, tỉnh Quảng Ninh chính thức khai mạc Hội chợ triển lãm kích cầu tiêu dùng và Hội chợ hàng công nghiệp nông thôn Quảng Ninh.

Hội chợ triển lãm có quy mô gần 470 gian hàng, trong đó 270 gian hàng giới thiệu, bán sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp đặc trưng, tiêu biểu, hàng hóa thương mại - dịch vụ của các tỉnh/thành phố tại khu vực bên trong và 200 gian hàng khu vực bên ngoài Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm, quảng bá các sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của các cơ sở công nghiệp nông thôn trong nước.

Hội chợ triển lãm lần này là cầu nối cho các cơ sở, đơn vị xúc tiến thương mại, nhằm thúc đẩy, kích cầu tiêu dùng nội địa,

mở rộng thị trường để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và khôi phục tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn mới.

Bên cạnh đó, hội chợ là dịp gặp gỡ, giao lưu, trao đổi những tiềm năng, thế mạnh của các địa phương trong nước, đồng thời là cơ hội để các doanh nghiệp quảng bá, giới thiệu sản phẩm đặc trưng, thương hiệu của đơn vị. Người tiêu dùng có cơ hội tiếp cận, sử dụng các sản phẩm đa dạng về mẫu mã, phong phú về kiểu dáng, chất lượng đảm bảo, đáp ứng nhu cầu mua sắm cuối năm.

Hội chợ đã diễn ra từ ngày 10 - 15/12/2020. Đây là sự kiện thuộc chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại và chương trình khuyến công quốc gia năm 2020.

## GIAO THƯƠNG

### DANH SÁCH MỘT SỐ DOANH NGHIỆP HỒNG KÔNG NHẬP KHẨU THỦY SẢN

Danh sách các doanh nghiệp Hồng Kông nhập khẩu hàng thủy sản được tổng hợp từ Thương vụ Việt Nam tại Hồng Kông, nhằm giúp doanh nghiệp Việt Nam tham khảo.

#### 1. Alaska International Marketing Ltd

Lĩnh vực: Nhập khẩu, phân phối, bán lẻ thủy hải sản cao cấp cung cấp cho thị trường châu Á. Một số sản phẩm đông lạnh như: cá hồi, cá ngừ, cá tuyết bạc, cua tuyết, cua đá, cua hoàng đế, vẹm xanh, sò, tôm đốm...

Địa chỉ: 4C Gemmy Factory Building No. 12 Hung To Road, Ngau Tau Kok, Kowloon

Tel: +852 27939373

Fax: +852 27939494

Website: <http://www.alaska-intl.com/>

Email: [diana@alaska-intl.com](mailto:diana@alaska-intl.com)

#### 2. Dragon King International Limited

Lĩnh vực: thành lập năm 1992 chuyên nhập khẩu, gia công, bán sỉ sản phẩm hải sản tươi sống, đông lạnh như cá ngừ, cua, sò, tôm hùm, hàu...

Địa chỉ: 10/FI., Vastkin House 84 Jervois Street

Tel: +852 2887 2101

Fax: +852 2887 0935

Email: [h\\_yoa@yahoo.com](mailto:h_yoa@yahoo.com)

## TRUNG QUỐC TĂNG THÊM THỜI GIAN THÔNG QUAN CHO HÀNG VIỆT NAM

Ngày 10/12/2020, Bộ Công Thương thông tin về việc chính quyền thành phố Bằng Tường (Quảng Tây - Trung Quốc) vừa có thông báo kéo dài thời gian thông quan tại nhiều cửa khẩu, cặp chợ trên địa bàn có thông thương với Việt Nam như cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị Quan, lối thông quan hàng hóa chuyên dụng Pò Chài, cặp chợ Lũng Vài, cặp chợ Kéo Ái.

Theo đó, thời gian thông quan của phía Trung Quốc kéo dài từ 8 giờ sáng tới 20 giờ tối hàng ngày, thay vì 8 giờ sáng đến 17 giờ chiều (giờ Trung Quốc).

Tuy nhiên, Bộ Công Thương cảnh báo, thời gian tới, một số loại trái cây xuất khẩu của Việt Nam như thanh long, dưa hấu chuẩn bị vào cao điểm thu hoạch và xuất khẩu phục vụ nhu cầu thị trường Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, Tết Nguyên tiêu... của Trung Quốc. Với tốc độ thông

quan chưa được cải thiện và hạn chế về kho bãi như hiện nay, đề nghị các doanh nghiệp xuất khẩu, các địa phương có vùng trồng nông sản lớn theo dõi sát tình hình thông quan hàng hóa xuất khẩu tại các cửa khẩu biên giới Việt Nam – Trung Quốc; chủ động điều tiết lượng hàng lên biên giới, phối hợp với ban hàng của Trung Quốc xây dựng kế hoạch giao hàng phù hợp, tránh để xảy ra tình trạng ùn ứ hàng hóa xuất khẩu tại cửa khẩu.

Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn cho biết, do thiếu hụt lực lượng lao động xếp dỡ hàng hóa để đảm bảo yêu cầu nghiêm ngặt về phòng chống dịch Covid-19, thời gian làm thủ tục thông quan hàng xuất khẩu của Việt Nam bên phía Trung Quốc tại khu vực Tân Thanh - Pò Chài bị kéo dài (cá biệt có xe lên đến 4 ngày mới xong thủ tục).

## TRUNG QUỐC KIỂM NGHIỆM COVID-19 ĐỐI VỚI THANH LONG VÀ CONTAINER LẠNH

Kể từ ngày 10/12/2020, Trung Quốc thực hiện chính sách kiểm nghiệm Covid-19 đối với thanh long và container lạnh nhập khẩu từ Việt Nam. Cụ thể, hàng chuyển từ xe Việt Nam sang xe Trung Quốc sẽ phải thực hiện khử trùng từng kiện. Việc khử trùng sẽ do công ty phía Trung Quốc thực hiện.

Phía Trung Quốc nhấn mạnh, nếu chưa được lệnh khử trùng từ phía cơ quan hải quan, mà vào đến bãi hoa quả mới khử trùng, thì trước khi khử trùng không được phép mở container. Hàng hóa sau khi khử trùng sẽ được cấp giấy chứng nhận. Nếu không có chứng nhận đã khử

trùng thì không được phép tiêu thụ ngoài thị trường.

Phí khử trùng là 950 Nhân dân tệ mỗi container. Chi phí cụ thể do Cục Vật giá thông báo. Chủ hàng là người chịu phí. Công ty khử trùng gồm Công ty Hằng Khải và Công ty Trung Kiểm.

Ngay sau khi nhận được thông báo này từ cơ quan chức năng Bằng Tường (Trung Quốc), Chi cục Hải quan Tân Thanh đã thông báo rộng rãi đến các doanh nghiệp có hoạt động qua cửa khẩu Tân Thanh để doanh nghiệp kịp nắm bắt thông tin và chủ động thực hiện.



# THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI

## NHIỀU BIẾN ĐỘNG TRÊN THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI



**T**hị trường nông sản thế giới nhiều biến động trong nửa đầu tháng 12/2020 do những yếu tố cung – cầu và kỳ vọng về các chính sách kích thích kinh tế của Mỹ và lạc quan về quá trình phát triển và phân phối vắc-xin ngừa Covid-19.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 15/12/2020, giá đậu tương trên sàn Chicago – Mỹ đạt 1.169 UScent/bushel, giảm 1,3% so với cuối tháng 11/2020 do dự báo mưa nhiều tại khu vực trồng chính của Braxin. Các cơn mưa trở lại tại các khu vực gieo trồng chính của Argentina và Braxin giúp giải tỏa phần nào những lo ngại của thị trường về nguồn cung đậu tương và ngô của khu vực Nam Mỹ do điều kiện thời tiết khô hạn trong thời gian qua.

Tương tự, giá ngô giảm 1% xuống còn 423,3 UScent/bushel, tuy nhiên những thông tin về nhu cầu tăng từ Hàn Quốc và sản lượng ethanol sụt giảm đang hỗ trợ cho giá ngô.

Trong khi đó, giá lúa mì tăng 0,7% so với cuối tháng 11/2020 chủ yếu nhờ lực mua của các quỹ và tâm lý chốt lời của các nhà đầu tư.

Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 đóng cửa phiên ngày 15/12/2020 giảm 3,4% so với cuối tháng 11/2020, xuống 14,3 UScent/lb. Thị trường đang giảm mua vào

trong khi Ấn Độ vẫn chưa thông báo mức độ trợ cấp xuất khẩu đường trong niên vụ 2020/21.

Thị trường cà phê có những biến động trái chiều trong nửa đầu tháng 12/2020, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2021 tăng 4,7% so với cuối tháng 11/2020 lên mức 122,7 UScent/lb; Trong khi đó, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 3/2021 giảm 7,9% xuống 1.355 USD/tấn. Đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh mẽ đã ảnh hưởng đến sức tiêu thụ cà phê toàn cầu, tuy nhiên, tình hình nhập khẩu cà phê tại một số nước Châu Âu hay Mỹ trong thời gian qua vẫn có những dấu hiệu khả quan do chuẩn bị cho Lễ hội Giáng sinh và đón năm mới 2021. Theo Hiệp hội Xuất khẩu cà phê Braxin (Cecafe), trong tháng 11/2020, Braxin đã xuất khẩu 4,3 triệu bao cà phê (loại 60 kg/bao), tăng 32,2%, tương đương 1,1 triệu bao so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường gạo sôi động trở lại trong nửa đầu tháng 12/2020. Tại Ấn Độ, giá gạo đồ 5% tấm của nhà xuất khẩu lớn nhất thế giới đã tăng lên mức cao nhất trong hơn 2 tháng qua do đồng Rupee tăng giá và nhu cầu tốt từ người mua ở châu Á và châu Phi, đạt 378- 383 USD/tấn, tăng 13 USD/tấn so với cuối tháng 11/2020. Những người mua như Trung Quốc đang chuyển sang mua gạo từ Ấn Độ do giá thấp hơn các nhà cung cấp khác. Trung Quốc sẽ nhập khẩu 100.000 tấn gạo tấm từ Ấn Độ do nguồn cung eo hẹp từ Thái Lan, Myanmar và Việt Nam. Tương tự, Bangladesh sẽ mua thêm 50.000 tấn gạo đồ của Ấn Độ với giá 404,35 USD/tấn thông qua một cuộc đấu thầu nhằm tăng cường dự trữ trong nước. Trong 10 tháng năm 2020, xuất khẩu gạo của Ấn Độ tăng 43% so với cùng kỳ năm 2019 lên mức 11,95 triệu tấn do người mua ưu tiên đặt hàng nguồn gạo từ Ấn Độ có giá thấp hơn để tăng cường tích trữ sau



khi hàng loạt các nhà xuất khẩu gạo lớn khác phải giảm xuất khẩu do hạn hán, lũ lụt. Theo Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Ấn Độ, xuất khẩu gạo của Ấn Độ trong năm 2020 có thể tăng tới 42% so với năm 2019 lên mức cao kỷ lục 14 triệu tấn.

Ngày 15/12/2020, giá gạo trắng 5% tấm của Thái Lan cũng tăng mạnh lên 485 - 516 USD/tấn từ mức 475 - 485 USD/tấn trong cuối tháng 11/2020 do nguồn cung eo hẹp.

Tuy nhiên, nhu cầu đã giảm vì giá gạo Thái Lan cao hơn các nhà cung cấp khác.

Trên thị trường cao su, giá cao su RSS 3 tại Nhật Bản trong nửa đầu tháng 12/2020 không biến động nhiều so với nửa cuối tháng 11/2020, đạt 158,2 JPY/kg. Nguồn cung thắt chặt từ các nhà sản xuất tại Đông Nam Á và nhu cầu mạnh từ Trung Quốc và các quốc gia châu Á khác đang giữ giá cao su ở mức cao.

### Tham khảo giá một số nông sản thế giới ngày 15/12/2020

Hàng hóa	ĐVT	Ngày 15/12/2020	So với ngày 26/11/2020 (%)	So với đầu năm 2020 (%)	So với cùng kỳ năm 2019 (%)
Ngô CBOT	UScent/bushel	423,3	-1,0	9,3	9,2
Lúa mì CBOT	UScent/bushel	600,5	0,7	6,5	9,9
Lúa mạch	UScent/bushel	342,3	14,0	11,4	11,5
Đậu tương	UScent/bushel	1.169,0	-1,3	23,8	24,7
Khô đậu tương	USD/tấn	379,7	-4,1	25,0	24,8
Dầu đậu tương	UScent/bushel	38,6	1,8	12,5	13,6
Hạt cải	CAD/tấn	587,6	1,8	21,6	24,1
Ca cao	USD/tấn	2.586,0	-5,1	-0,1	1,6
Đường thô	UScent/lb	14,3	-3,4	1,4	7,4
Nước cam	UScent/lb	114,8	-9,9	18,2	17,0
Cà phê Robusta	USD/tấn	1.335,0	-7,9	3,7	-6,8
Cà phê Arabica	UScent/lb	122,7	4,7	3,2	-9,6
Gỗ xẻ	USD/1000 board feet	795	28,8	91,0	93,5
Gạo đỏ 5% tấm Ấn Độ	USD/tấn	383,0	3,5	4,6	5,5
Gạo trắng 5% tấm Thái Lan	USD/tấn	516,0	6,4	18,6	25,5
Cao su Toccom	JPY/kg	158,2	-0,3	-21,5	-21,4

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

## NHU CẦU ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP CỦA AUSTRALIA TIẾP TỤC TĂNG THỜI GIAN TỚI

Australia là quốc gia hàng đầu thế giới về sản xuất nông nghiệp, với hơn 123.000 doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, bao gồm cả trồng trọt và chăn nuôi gia súc, quản lý và khai thác gần 384,6 triệu ha đất, xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp của Australia đạt khoảng 35- 40 tỷ USD mỗi năm. Trong niên vụ 2020-21, sản lượng nông nghiệp của Australia được dự báo sẽ tăng 7% lên 45,5 tỷ USD nhờ vụ Đông bội thu và lượng mưa nhiều. Tuy vậy, năm 2020, xuất khẩu hàng nông sản của nước này dự báo chỉ

đạt 33,2 tỷ USD, một phần do ảnh hưởng của dịch Covid-19, mặt khác, căng thẳng thương mại với Trung Quốc khiến xuất khẩu hàng nông sản của Australia giảm.

Cùng với những biến động về xuất khẩu nông sản, nhập khẩu hàng nông sản vào Australia cũng giảm trong 9 tháng đầu năm 2020. Theo Trung tâm Thương mại Quốc tế, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Australia trong 9 tháng đầu năm 2020 đạt 7,18 tỷ USD, giảm 2,3% so với cùng kỳ năm 2019.

Dịch Covid-19 khiến nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản nói chung vào Australia giảm. Tuy nhiên, nhập khẩu một số mặt hàng thuộc nhóm hàng này vẫn tăng trong 9 tháng đầu năm 2020 so với

cùng kỳ năm 2019 như: sữa, trứng, mật ong; sản phẩm rau quả chế biến; nhóm quả và quả hạch; gạo; hạt và quả có dầu; các loại ngũ cốc, hạt và quả khác; rau, củ...

### Mặt hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào Australia 9 tháng đầu năm 2020

Mặt hàng	Australia nhập khẩu từ thế giới (Đvt: nghìn USD)			Thị phần hàng Việt Nam tại Australia (%)	
	9 tháng đầu năm 2020	9 tháng đầu năm 2019	So sánh (%)	9 tháng đầu năm 2020	9 tháng đầu năm 2019
<b>Tổng</b>	<b>7.181.644</b>	<b>7.347.138</b>	<b>-2,3</b>	<b>5,72</b>	<b>5,83</b>
Gỗ nguyên liệu	1.071.787	1.189.432	-9,9	0,17	0,14
Sữa và các sản phẩm từ sữa, trứng chim và trứng gia cầm, mật ong tự nhiên...	779.772	727.100	7,2	0,03	0,02
Sản phẩm chế biến từ rau, quả, hạt và các phần khác của cây	705.604	667.585	5,7	0,32	0,19
Đồ nội thất bằng gỗ	641.873	665.539	-3,6	1,15	1,20
Quả và quả hạch ăn được, vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa	557.119	540.138	3,1	1,28	1,38
Hạt điều	74.816	86.392	-13,4	1,00	1,16
Các sản phẩm chế biến từ thịt, cá, động vật giáp xác hay động vật thân mềm, hoặc động vật không xương sống sống dưới nước khác	492.952	520.579	-5,3	0,72	0,78
Thủy sản chế biến	432.422	437.056	-1,1	0,72	0,78
Cà phê, chè và các loại gia vị	470.777	479.720	-1,9	0,43	0,48
Cà phê	334.866	344.749	-2,9	0,32	0,37
Chè	72.611	74.459	-2,5	0,001	0,002
Hạt tiêu	11.155	13.741	-18,8	0,07	0,09
Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác	465.257	589.887	-21,1	1,19	1,30
Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ	383.758	445.538	-13,9	0,00	0,00
Ngũ cốc	328.124	237.031	38,4	0,19	0,12
Gạo	201.010	148.852	35,0	0,19	0,12
Hạt và quả có dầu; các loại ngũ cốc, hạt và quả khác	235.130	217.004	8,4	0,01	0,004
Đường và các loại mứt, kẹo có đường.	204.131	215.348	-5,2	0,04	0,06
Rau và một số loại củ, thân củ, rễ ăn được	192.992	178.107	8,4	0,03	0,03
Các sản phẩm chế biến ăn được khác	183.855	178.098	3,2	0,06	0,04
Các sản phẩm xay xát; malt; tinh bột; inulin; gluten lúa mì	106.870	102.758	4,0	0,05	0,02
Nhựa cánh kiến đỏ; gôm, nhựa cây, các chất nhựa và các chất chiết suất từ thực vật khác	83.677	84.264	-0,7		
Động vật sống	78.658	81.694	-3,7		
Cao su	77.489	87.069	-11,0	0,01	0,04

Mặt hàng	Australia nhập khẩu từ thế giới (Đvt: nghìn USD)			Thị phần hàng Việt Nam tại Australia (%)	
	9 tháng đầu năm 2020	9 tháng đầu năm 2019	So sánh (%)	9 tháng đầu năm 2020	9 tháng đầu năm 2019
	Cây sống và các loại cây trồng khác; củ, rễ và các loại tương tự; cành hoa rời và các loại cành lá trang trí	59.319	64.201	-7,6	0,05
Các sản phẩm gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở các chương khác	53.607	67.047	-20,0	0,003	0,003
Nguyên liệu thực vật dùng để tết bện; các sản phẩm thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	8.893	8.999	-1,2	0,002	0,002

### **Nhu cầu nông, lâm, thủy sản tại Australia và cơ hội cho Việt Nam**

Australia với dân số có xu hướng tăng (dự kiến sẽ đạt 40 triệu người năm 2050), là quốc gia có tiêu chuẩn sống cao, lối sống ngày càng thay đổi và ngày càng quan tâm đến vấn đề về sức khỏe đã hỗ trợ tích cực cho việc tiêu thụ hàng nông, lâm, thủy sản tại Australia. Mặc dù nguồn cung nội địa đối với hàng nông, lâm, thủy sản lớn nhưng Australia đang có xu hướng tăng nhập khẩu nhóm hàng này, chủ yếu đối với những sản phẩm sản xuất trong nước còn hạn chế như trứng gia cầm, mật ong; đồ nội thất bằng gỗ... Đặc biệt ảnh hưởng của biến đổi khí hậu khiến sản xuất nông nghiệp của Australia bị ảnh hưởng đáng kể, sản lượng nhiều loại nông, thủy sản sụt giảm, cung không đủ cầu, khiến Australia có nhu cầu nhập khẩu để bù đắp cho sản lượng nội địa sụt giảm, trong đó, nổi bật là các mặt hàng như hàng thủy sản, gạo.

*Đối với mặt hàng thủy sản:*

Nhu cầu tiêu thụ thủy sản bình quân đầu người của Australia đã tăng từ 10 kg/năm giai đoạn 2000- 2001 lên khoảng 15 kg/năm giai đoạn 2012- 2013 và vẫn đang tiếp tục tăng mạnh trong vài năm gần đây. Tuy nhiên, mức tiêu thụ bình quân này vẫn còn thiếu khoảng 40% so với khuyến cáo của các tổ chức nghiên cứu về sức khỏe của quốc gia này, do vậy, nhu cầu tiêu thụ thủy sản của Australia sẽ tiếp tục tăng cao và trở thành

*Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế* thị trường tiềm năng cho xuất khẩu thủy sản của Việt Nam.

Theo báo cáo của Thương vụ Việt Nam tại Australia, mỗi năm quốc gia này tiêu thụ khoảng 1 triệu tấn hải sản. Tuy nhiên, ngành hải sản của Australia chỉ đáp ứng khoảng 30% nhu cầu của nước này, còn lại phải nhập khẩu khoảng 70%. Các nguồn cung chính hàng thủy sản vào Australia là New Zealand, Thái Lan, Trung Quốc và Việt Nam.

Theo dữ liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế, hiện thị phần hàng thủy sản của Việt Nam tại Australia chỉ chiếm chưa đến 2%, như vậy, ngành thủy sản Việt Nam vẫn còn rất nhiều cơ hội để mở rộng thị phần tại Australia.

Nền kinh tế Australia tuy không phụ thuộc quá nhiều vào đầu tư nước ngoài nhưng ít nhiều vẫn phụ thuộc vào một số đối tác kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản... Vài năm trở lại đây, xung đột thương mại Mỹ - Trung Quốc vẫn chưa đạt được thỏa thuận khiến cho nền kinh tế của hai cường quốc rơi vào tình trạng suy giảm, để tránh nền kinh tế bị ảnh hưởng xấu từ các đối tác thương mại trên, Chính phủ Australia đang chủ trương ưu tiên mở rộng thị trường sang Ấn Độ, các nước ASEAN... Do vậy, Việt Nam cần tận dụng cơ hội này để đẩy mạnh giao thương hàng hóa nói chung và xuất khẩu thủy sản nói riêng vừa lâu dài, vừa bền vững vào thị trường Australia.

### *Đối với mặt hàng gạo:*

Sản lượng gạo của Australia duy trì độ biến động cao, do sự thay đổi của nguồn nước và giá các loại cây trồng thay thế.

Theo số liệu của Bộ Khoa học, Kinh tế Tài nguyên và Nông nghiệp Australia (ABARES) và Cơ quan Thống kê Australia (ABS), sản lượng gạo niên vụ 2019/20 của Australia đạt khoảng 57.000 tấn. Trong điều kiện thời tiết bình thường, dự đoán niên vụ 2020/21, sản lượng gạo của Australia đạt khoảng 266.000 tấn. Mức sản lượng này thấp hơn nhiều so với mức trung bình 10 năm tính đến niên vụ 2018/2019 là 629.000 tấn.

Như vậy, sự không ổn định của hoạt động sản xuất gạo nội địa Australia, đặc biệt là trong niên vụ 2019/20, sẽ thúc đẩy Australia tăng cường nhập khẩu gạo thời gian tới.

Hiện thị phần gạo của Việt Nam tại Australia mới chỉ đạt 2,8% tổng kim ngạch nhập khẩu gạo vào Australia, với các Hiệp định Thương mại đã được ký kết và có hiệu lực giữa Việt Nam và Australia sẽ tạo ra những cơ hội để Việt Nam mở rộng thị phần gạo tại Australia...

Nhìn chung, nhu cầu của Australia đối với các sản phẩm nông nghiệp sẽ vẫn tương đối mạnh, ngay cả khi các hoạt động kinh tế được dự đoán sẽ thu hẹp trong giai đoạn năm 2020- 2021 do thực phẩm là mặt hàng thiết yếu. Mặt khác, nhờ Chính phủ Australia quản lý tốt đại dịch, ngày càng có nhiều người dân sẽ đi du lịch trong nước trong dịp cuối năm và đầu năm mới, qua đó sẽ giúp phục hồi ngành du lịch, dịch vụ lưu trú và ăn uống, cũng như hỗ trợ nhu cầu về các sản phẩm nông nghiệp.

## TIN VĂN

► Chỉ số giá thực phẩm của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc FAO (FFPI) đạt trung bình 105 điểm trong tháng 11/2020, tăng 3,9% so với tháng 10/2020 và tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2019. Tháng 11 không chỉ đánh dấu tháng tăng mạnh nhất theo tháng kể từ tháng 7/2012, mà còn đưa chỉ số này chạm mức cao nhất kể từ tháng 12/2014. Trong đó, chỉ số giá ngũ cốc của FAO đạt trung bình 114,4 điểm trong tháng 11/2020, tăng 2,7 điểm (2,5%) so với tháng 10/2020 và tăng tới 19 điểm (19,9%) so với cùng kỳ năm 2019.

► Theo Tổng cục Thống kê Trung Quốc, sản lượng ngũ cốc năm 2020 của nước này đạt 669,49 triệu tấn, tăng 0,9% so với năm 2019. Tổng sản lượng ngô của Trung Quốc đạt 260,67 triệu tấn. Tổng diện tích trồng ngũ cốc tăng 0,6% lên 116,8 triệu ha.

► Trong tháng 10/2020, nhập khẩu tôm nước ấm đông lạnh của Trung Quốc đạt 24.100 tấn, giảm 61% so với tháng 10/2019.

Như vậy, nhập khẩu tôm của Trung Quốc trong 3 tháng từ tháng 8 – 10/2020 chỉ đạt 73.000 tấn, giảm 105.000 tấn so với mức 178.000 tấn trong cùng kỳ năm 2019. Mặc dù nhập khẩu giảm nhưng giá tôm công trại tại các vùng nuôi trồng chính của Trung Quốc vẫn thấp do lo ngại dịch Covid-19 cũng như nguồn cung nội địa tăng lên. Trong tháng 11/2020, giá tôm công trại trung bình loại 60 con/kg ở tỉnh Quảng Đông giảm 12% so với cùng kỳ năm 2019, xuống còn 47 NDT/kg (7,19 USD/kg). Giá tôm cỡ 80 con/kg trung bình đạt 40 NDT/kg, giảm 14% và tôm cỡ 120 con/kg có giá trung bình 29 USD/kg, giảm 15% so với cùng kỳ năm 2019.

► Tại cuộc thi World's best rice contest 2020 - Gạo ngon nhất thế giới năm 2020, giải Nhất thuộc về gạo của Thái Lan, gạo ST25 của Việt Nam của Kỹ sư Hồ Quang Cua đạt giải Nhì. Năm 2019, cuộc thi này tổ chức tại Manila (Philippin) và gạo ST25 đã giành giải Nhất.